

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 11 - 2021

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà NTL, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông TVR, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(Bà Lan có mặt; ông Reo vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn NTL yêu cầu khởi kiện: Bà NTL và ông TVR sống chung vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An vào ngày 14/9/2009. Trong quá trình chung sống bà Lan và ông Reo có 02 con chung tên Trần Thị Thùy Mị, sinh ngày 01/02/2004

và Trần Thị Đoan Trang, sinh ngày 31/3/2009, cháu Mị và Trang hiện đang sống chung với bà Lan. Vợ chồng bà Lan và ông Reo chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2010 do tính tình và quan điểm sống không phù hợp nhau chủ yếu là ông Reo thường xuyên uống rượu, bia, bỏ bê không chăm sóc vợ cùng con từ tháng 01 năm 2019 bà Lan và ông Reo không sống chung. Nay bà Lan nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà Lan khởi kiện yêu cầu: Về tình cảm, bà Lan yêu cầu ly hôn với ông Reo; về con chung, bà Lan yêu cầu được nuôi dưỡng con tên Trần Thị Thùy Mị và Trần Thị Đoan Trang, không yêu cầu ông Reo cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung, bà Lan không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông TVR đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông Reo vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà NTL và ông TVR có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Reo cư trú trên địa phận huyện Thanh Hóa, bà Lan khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông TVR: Ông Reo vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Reo.

[3] Về hôn nhân: Bà NTL trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do tính tình và quan điểm sống không phù hợp nhau. Bà Lan và ông Reo đã không sống chung từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, ông Reo vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà Lan nên lời trình bày của bà Lan về tình trạng mâu thuẫn giữa bà Lan và ông Reo là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà Lan và ông Reo không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được là phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà NTL yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Thị Thùy Mị và Trần Thị Đoan Trang, không yêu cầu ông Reo cấp dưỡng. Ông Reo vắng mặt và không có ý kiến nào về việc nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó, cháu Mị và Trang hiện đang sống chung với bà Lan và có văn bản muốn sống

chung với bà Lan. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà Lan.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà NTL không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Reo không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà NTL phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTL đối với ông TVR.

Về hôn nhân: Cho bà NTL ly hôn với ông TVR.

Về con chung: Bà NTL được quyền nuôi dưỡng con tên Trần Thị Thùy Mị, sinh ngày 01/02/2004 và Trần Thị Đoan Trang, sinh ngày 31/3/2009, cháu Mị và Trang hiện đang sống chung với bà Lan. Ông Reo không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Bà NTL phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà Lan đã nộp theo biên lai số 0003737 ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa sang thi hành án phí, bà Lan đã nộp xong án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- UBND xã Thuận Nghĩa Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Trường Thọ